



jūn guān
军官

Noun · Officer

Example Sentences

tā shì yī míng jūn guān
他是一名军官。

He is an officer.

nǐ rèn shi nà wèi zài biān jìng fú yì de nián qīng jūn guān ma
你认识那位在边境服役的年轻军官吗？

Do you know that young officer who is serving at the border?

zhè wèi jūn guān zhèng zài xùn liàn shì bīng
这位军官正在训练士兵。

This officer is training the soldiers.

Trace each character, then write the word on your own.

军	军	军	军	军	军	军	军	军		
官	官	官	官	官	官	官	官	官	官	官